

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HƯNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA HUNG NATURAL STONE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIA HUNG NATURAL STONE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109514349

**3. Ngày thành lập:** 28/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 710 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989979969

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                  | 8230        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                          | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                    | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                              | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                               | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                   | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                        | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                         | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                          | 4229        |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                                   | 4291        |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                            | 4292        |
| 12. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                      | 4293        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                 | 4299        |
| 14. | Phá dỡ                                                                     | 4311        |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                          | 4312        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                      | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                             | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                             | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                        | 4390        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất | 7410(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt<br>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; Lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. | 7110 |
| 22. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0810 |
| 23. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2396 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4752 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 27. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4912 |
| 28. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5022 |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ TỰ NHIÊN VÀ TVTK XÂY DỰNG GIA HƯNG | Số 24, ngõ 62, đường Đặng Văn Ngữ, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    | 0102292577                                                                                  |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Tổng số                   | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ AN                                         | 89 Hàng Bò, Phường Hàng Bò, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 680.000    | 6.800.000.000         | 34,000    | 036177007101                                                                                |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                 | Tổng số                   | 680.000    | 6.800.000.000         | 34,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                         |                           |         |               |        |           |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | PHAN THANH TÙNG  | Xóm Khang Ninh, Xã Trục Cường, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 450.000 | 4.500.000.000 | 22,500 | 162788362 |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Tổng số                   | 450.000 | 4.500.000.000 | 22,500 |           |
| 4 | TRẦN QUANG TUYẾN | Xóm Nam Cự 2, Xã Việt Hùng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 170.000 | 1.700.000.000 | 8,500  | 163177384 |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                         | Tổng số                   | 170.000 | 1.700.000.000 | 8,500  |           |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ AN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/07/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036177007101

Ngày cấp: 28/11/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 89 Hàng Bồ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 89 Hàng Bồ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội